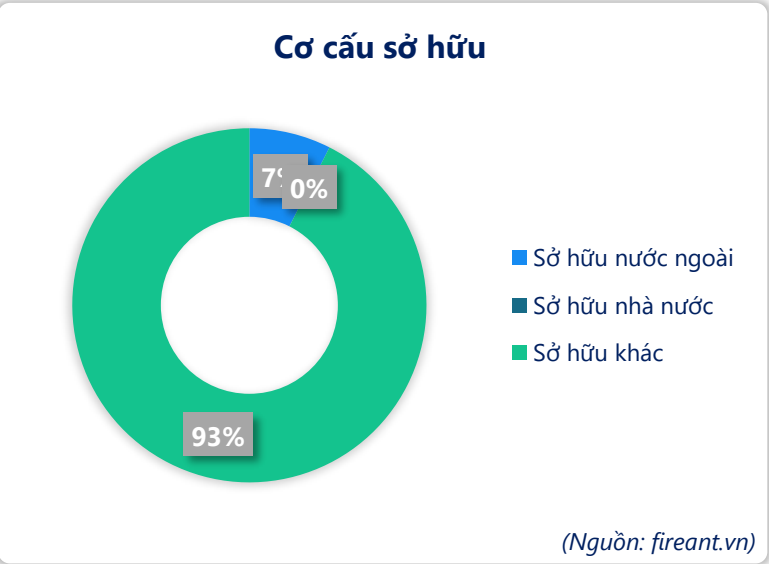
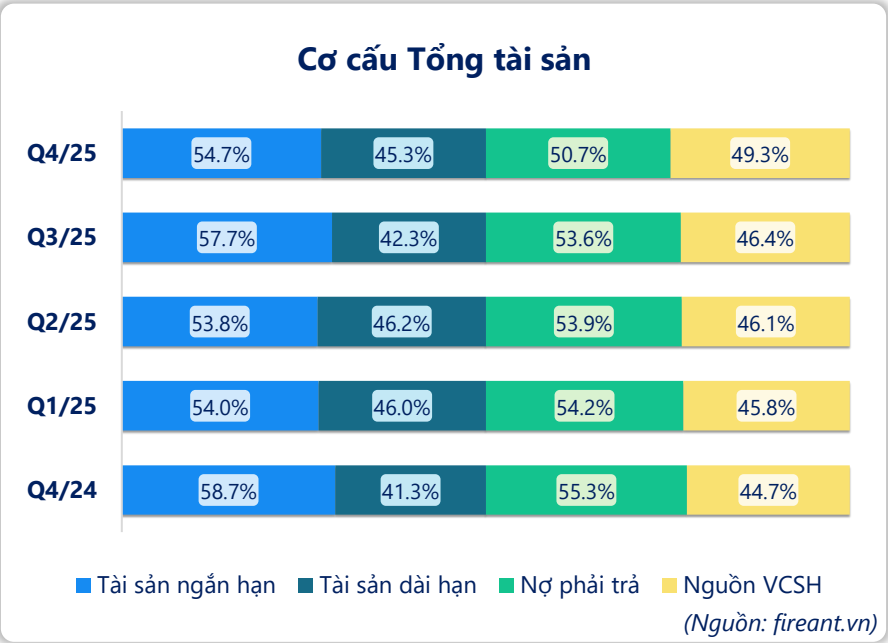
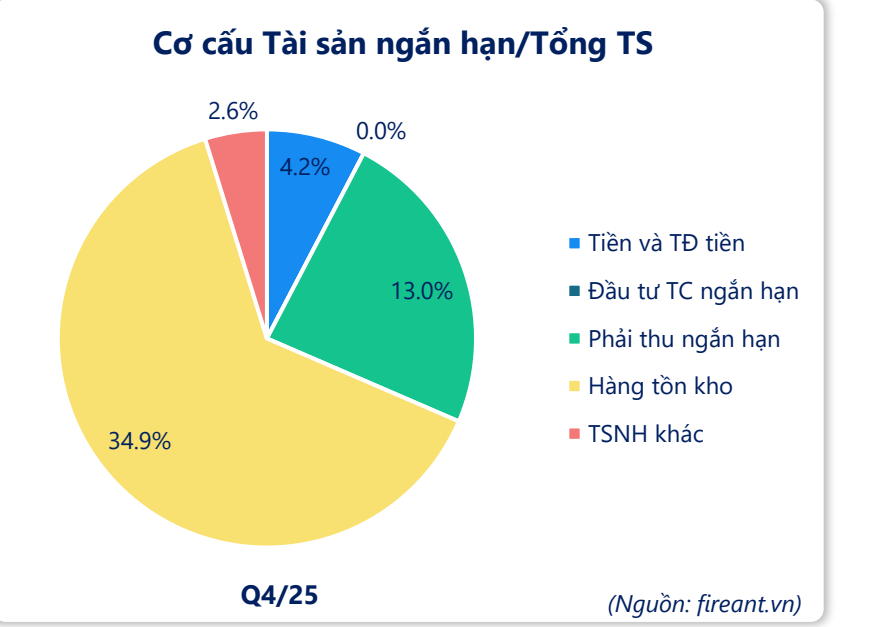
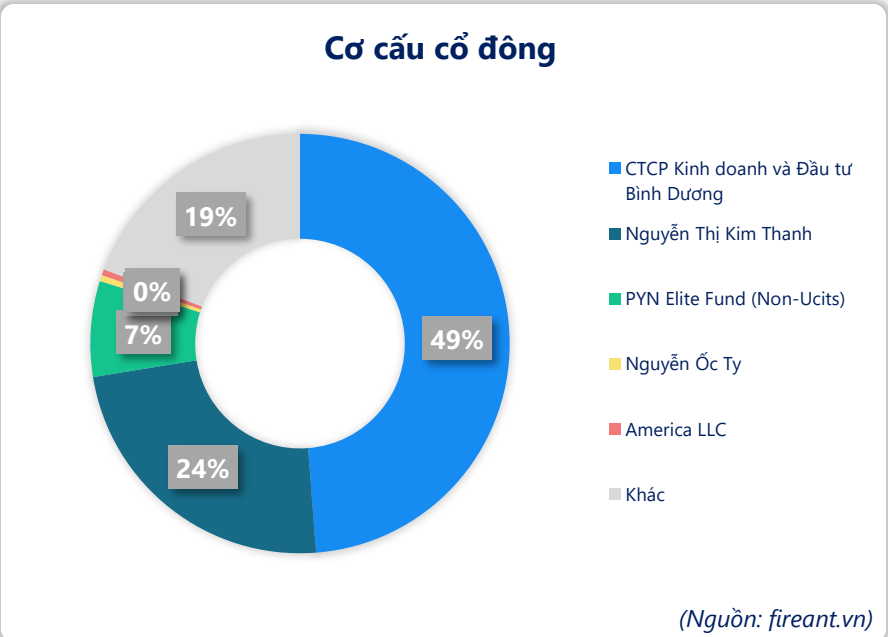
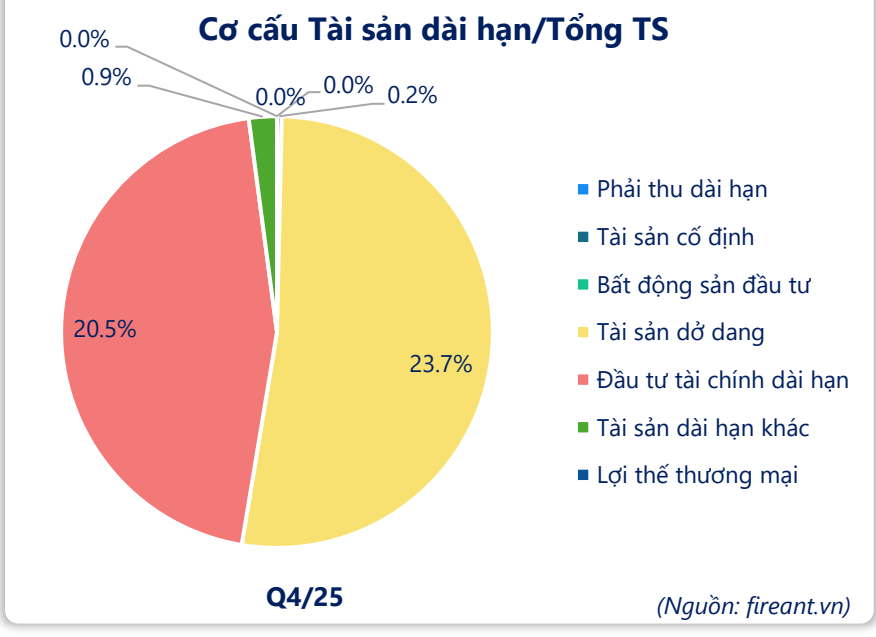
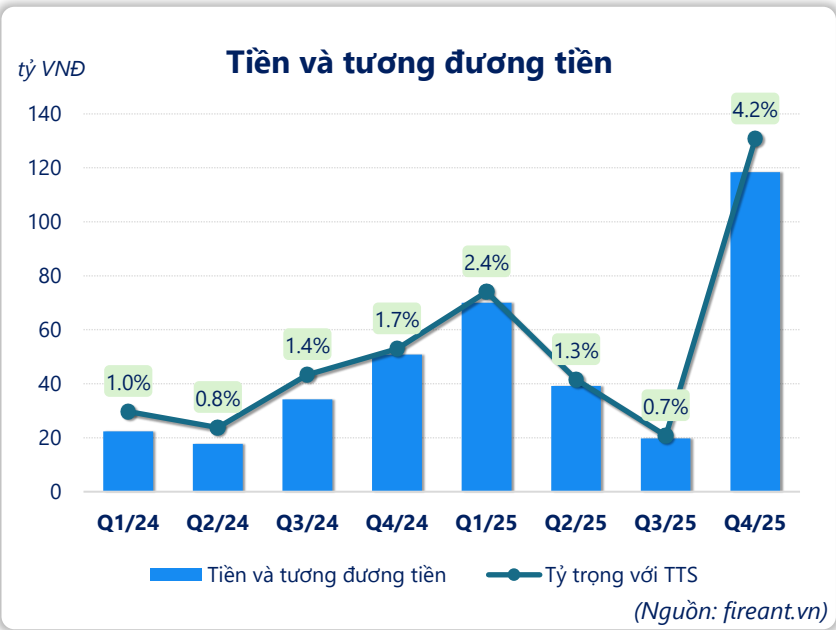
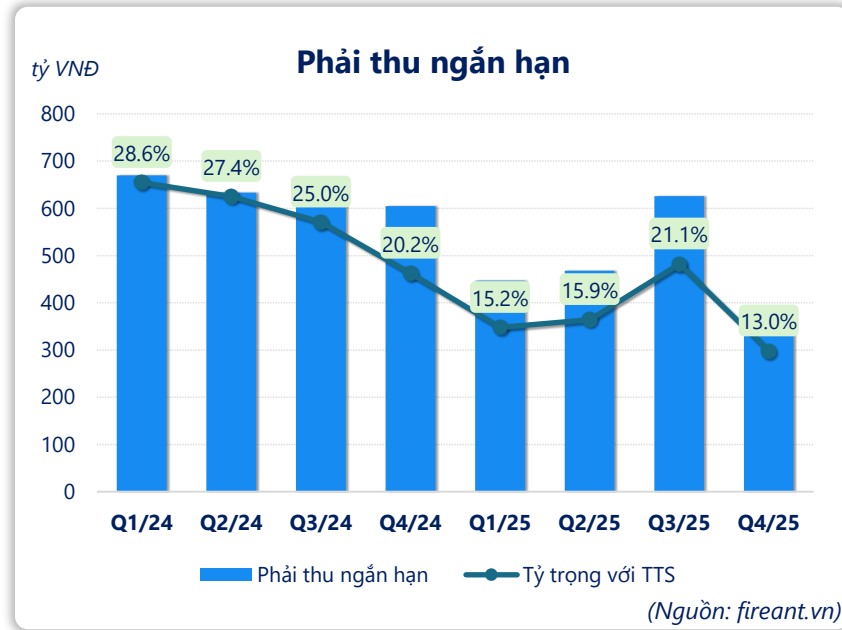
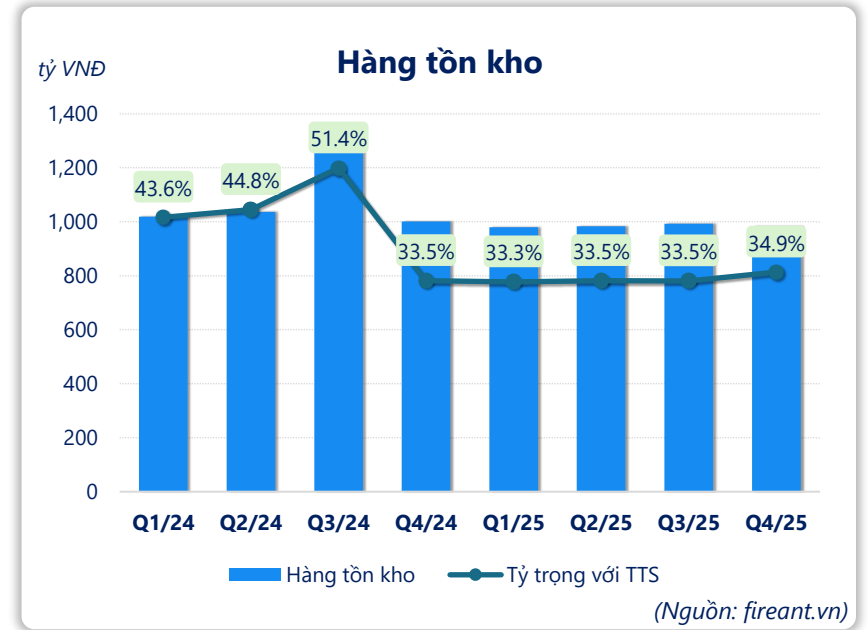
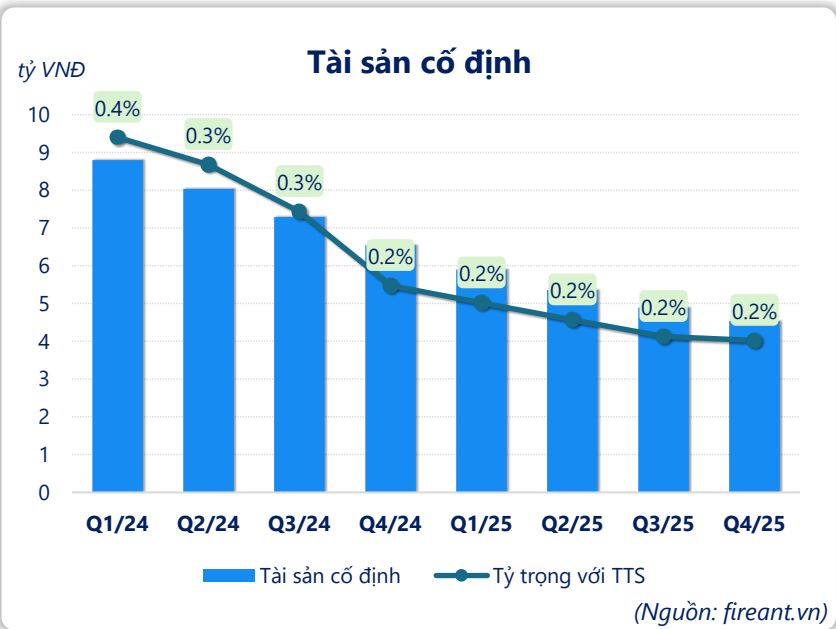
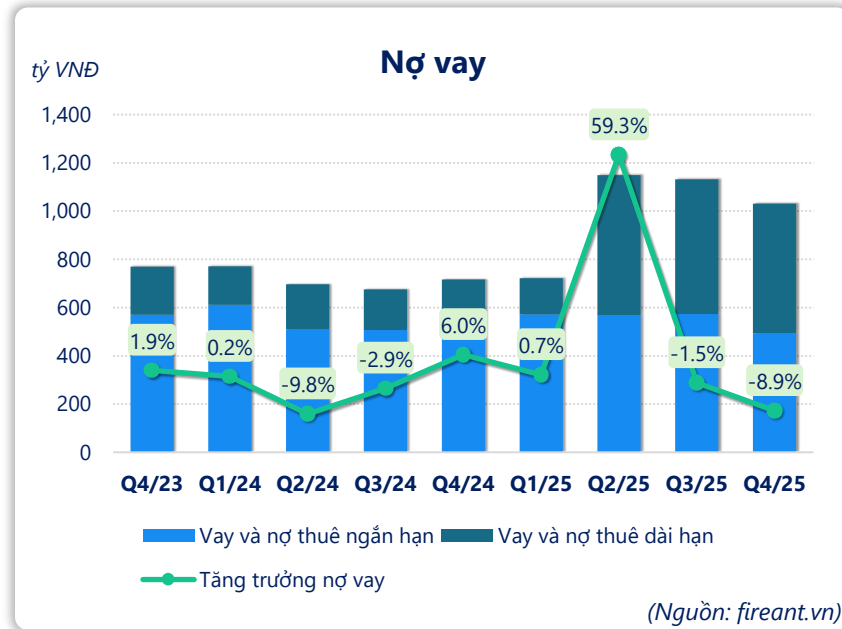
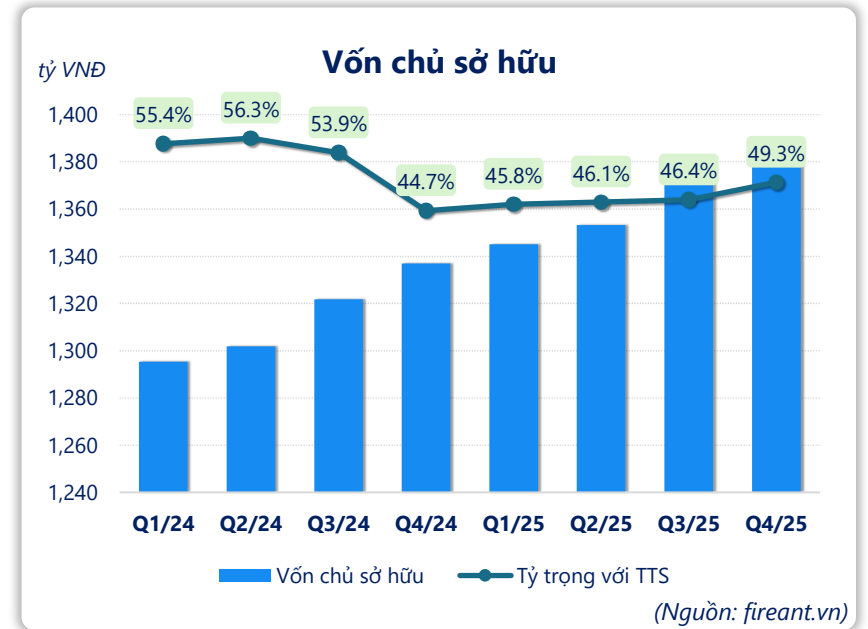
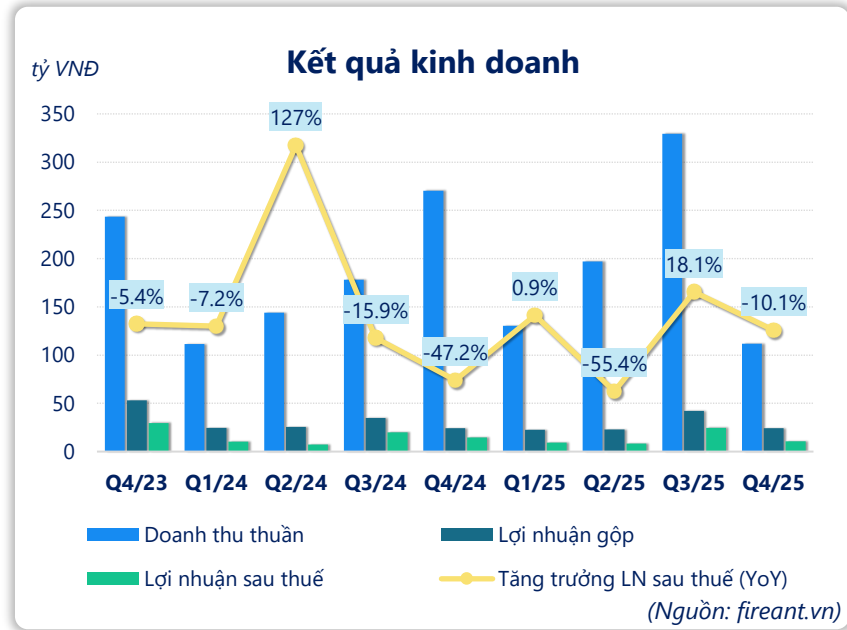
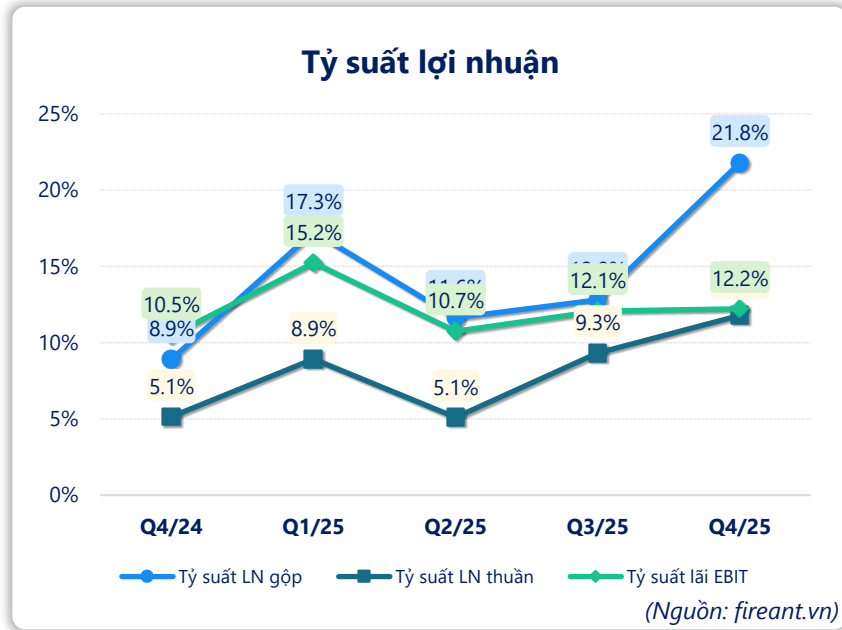
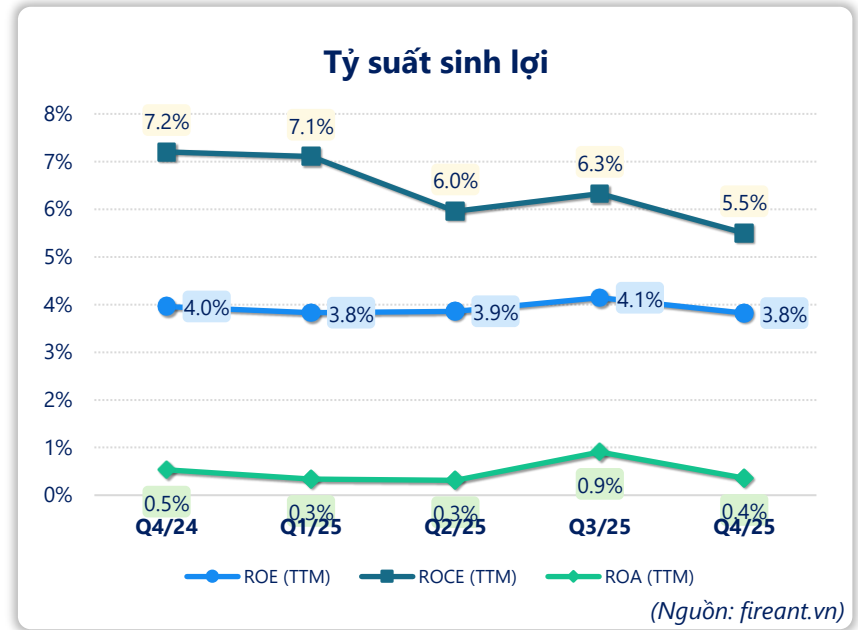
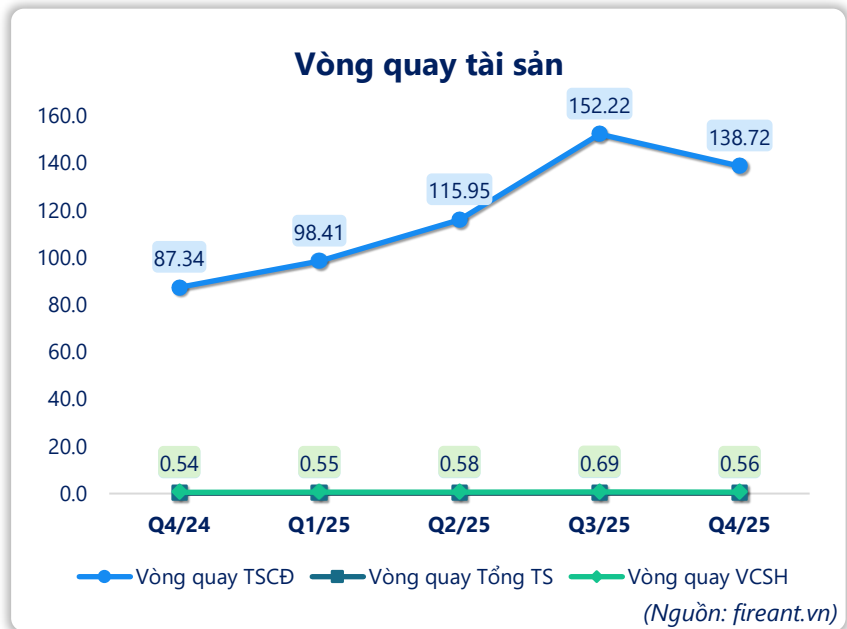
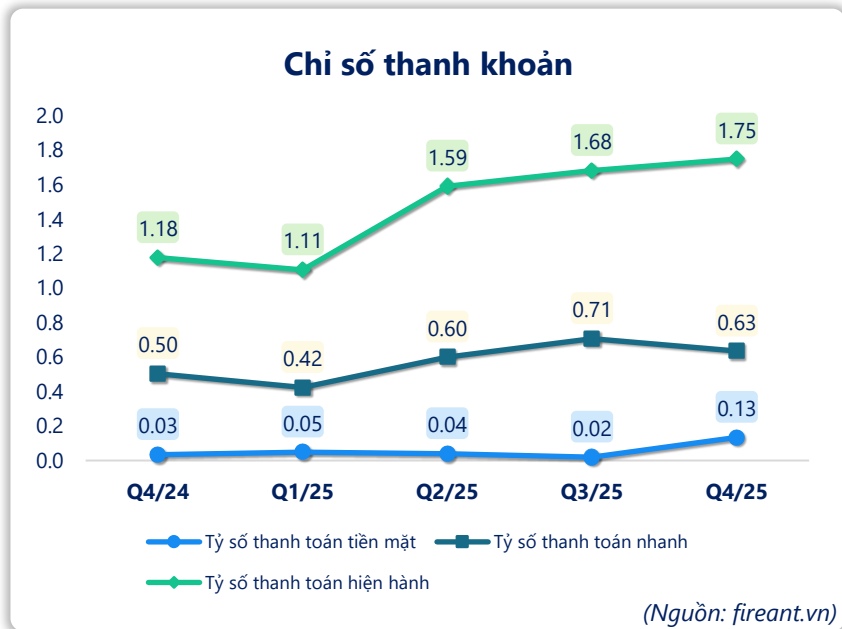
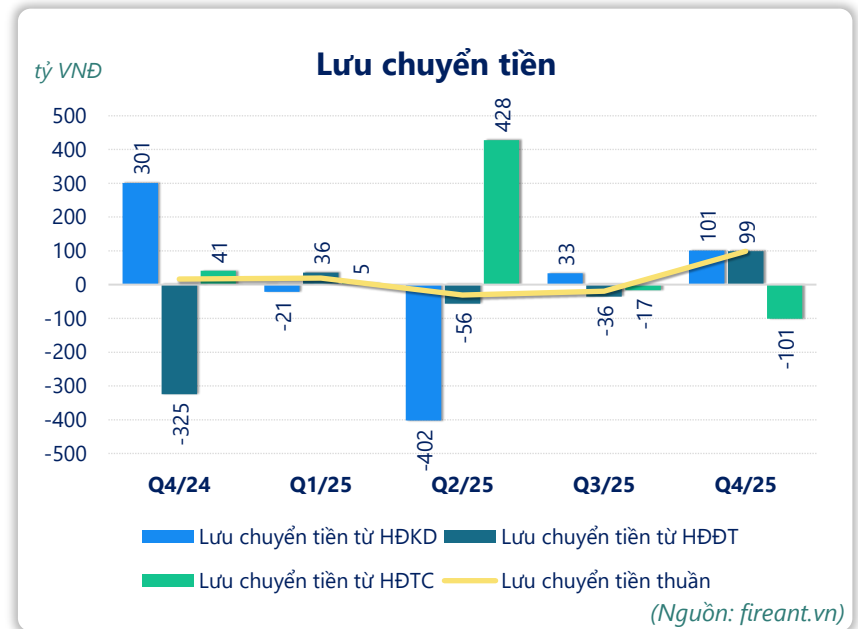


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,150
SL cổ phiếu LH		104,999,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)		29,445
% sở hữu nước ngoài		7.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,454
P/E		27.9
EPS		496

	YTD	1T	3T	6T
ACC	-5.5%	4.9%	1.8%	-0.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,819	2,987	-5.6%
Tài sản ngắn hạn	1,543	1,753	-12.0%
Tiền và tương đương tiền	118	50.8	133%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	367	604	-39.2%
Hàng tồn kho	983	1,002	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	73.8	95.9	-23.1%
Tài sản dài hạn	1,276	1,235	3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.54	6.54	-30.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	667	740	-9.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	578	464	24.6%
Tài sản dài hạn khác	26.8	24.5	9.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,431	1,651	-13.3%
Nợ ngắn hạn	882	1,490	-40.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	493	565	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	346	797	-56.6%
Nợ dài hạn	549	161	240%
Vay và nợ thuê dài hạn	538	152	254%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,389	1,337	3.9%
Vốn chủ sở hữu	1,389	1,337	3.9%
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	270	130	197	329	112
Giá vốn hàng bán	246	108	174	287	87.4
Lợi nhuận gộp	24.1	22.5	23.0	42.2	24.3
Doanh thu HĐTC	3.04	1.76	1.04	1.61	1.70
Chi phí TC	10.4	8.36	10.7	9.11	8.43
Chi phí lãi vay	10.4	8.36	10.7	9.11	0
LN trong công ty LKLD	1.25	0	0	1.00	0
Chi phí bán hàng	0.64	1.72	1.06	1.97	1.74
Chi phí QLDN	3.46	2.54	2.19	3.03	2.71
LN thuần từ HĐKD	13.9	11.6	10.1	30.7	13.2
Lợi nhuận khác	4.07	-0.14	0.44	-0.03	0.48
LN trước thuế	18.0	11.5	10.5	30.7	13.7
Lợi nhuận sau thuế	14.5	9.16	8.39	24.7	10.5
LNST của CĐ cty mẹ	14.3	8.92	8.19	24.6	10.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	301	-21.3	-402	33.3	101
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-325	35.6	-56.2	-35.8	98.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	40.8	4.88	428	-16.8	-101
Tiền đầu kỳ	34.2	50.8	70.0	39.1	19.8
Lưu chuyển tiền thuần	16.7	19.1	-30.8	-19.4	98.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.8	70.0	39.1	19.8	118

(Nguồn: fireant.vn)